

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 31



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Hội Đồng Quản Trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Phát Quang	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trịnh Bá Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên
Ông Cao Thanh Định	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trịnh Bá Hoàng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban
Ông Khuất Tùng Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Triều	Thành viên

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG KỲ

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

2. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Số: 123/2015/DFK-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy Sản

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy Sản (“Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 31 kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



HỒ ĐẮC HIỆU

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0458-2013-042-1

Thay mặt và đại diện cho:

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

Tp. HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2016



BÙI VĂN BỒNG

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0177-2015-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	MÃ B 01-DN	
			31/12/2015	01/01/2015
Đơn vị tính: VND				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		231.655.102.851	238.420.030.048
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	1.507.341.698	336.190.847
1. Tiền	111		1.507.341.698	336.190.847
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.02	188.786.000	399.577.500
1. Chứng khoán kinh doanh	121		531.000.000	531.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(342.214.000)	(131.422.500)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		33.788.672.698	45.767.683.148
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	23.134.723.985	36.950.267.317
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	7.685.653.780	7.777.458.250
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	2.968.294.933	2.733.548.721
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(1.693.591.140)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.06	194.968.814.841	190.551.674.151
1. Hàng tồn kho	141		196.358.330.593	191.941.189.903
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.389.515.752)	(1.389.515.752)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		1.201.487.614	1.364.904.402
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	130.858.448	21.333.333
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.190.090.247
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	1.070.629.166	153.480.822
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		136.861.697.912	143.514.296.762
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		12.394.837.862	12.394.837.862
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	12.394.837.862	12.394.837.862
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		30.193.435.172	34.124.904.184
1. TSCĐ hữu hình	221	V.07	28.192.739.254	31.838.562.270
- Nguyên giá	222		118.724.729.483	118.710.727.175
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90.531.990.229)	(86.872.164.905)
2. TSCĐ vô hình	227	V.08	2.000.695.918	2.286.341.914
- Nguyên giá	228		5.788.007.600	5.788.007.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.787.311.682)	(3.501.665.686)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		16.821.829.160	18.439.710.007
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	16.821.829.160	18.439.710.007
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.02	66.714.262.337	66.714.262.337
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		65.026.276.051	65.026.276.051
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.634.906.773	4.634.906.773
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.946.920.487)	(2.946.920.487)
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		10.737.333.381	11.840.582.372
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	10.737.333.381	11.840.582.372
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		368.516.800.763	381.934.326.810

Các thuyết minh kèm theo từ trang 08 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

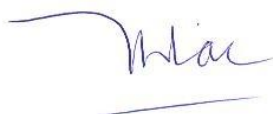
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		188.606.039.226	201.945.519.796
I. Nợ ngắn hạn	310		151.616.946.884	163.204.427.454
1. Phải trả cho người bán	311	V.11	13.322.415.040	29.326.166.515
2. Người mua trả tiền trước	312		551.677.287	1.628.544
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.12	84.240.742	53.000.031
4. Phải trả công nhân viên	314		-	-
5. Chi phí phải trả	315	V.13	600.000.000	1.416.750.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	7.008.910.807	4.173.961.080
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	123.553.850.850	121.747.446.497
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	6.495.852.158	6.485.474.787
II. Nợ dài hạn	330		36.989.092.342	38.741.092.342
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	26.375.092.342	26.375.092.342
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	10.614.000.000	12.366.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		179.910.761.537	179.988.807.014
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	179.910.761.537	179.988.807.014
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.070.000.000	128.070.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.070.000.000	128.070.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.156.097.000	24.156.097.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.879.178.468	16.554.178.468
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.805.486.069	11.208.531.546
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		6.403.225.000	6.403.500.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		402.261.069	4.805.031.546
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		368.516.800.763	381.934.326.810


LẠI TUYẾT THANH

Người lập

Ngày 30 tháng 3 năm 2016


LẠI TUYẾT THANH

Kế toán trưởng

**TRỊNH BÁ HOÀNG**

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

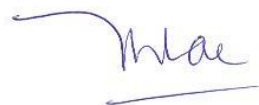
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		123.497.365.786	218.892.281.687
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	123.497.365.786	218.892.281.687
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	94.847.884.709	179.680.782.226
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.649.481.077	39.211.499.461
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.184.225.378	2.347.893.817
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	11.360.366.773	11.456.212.192
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.315.620.812	4.066.990.643
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	6.224.482.327	9.598.709.222
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	12.013.675.563	15.318.260.169
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		235.181.792	5.186.211.695
11. Thu nhập khác	31		318.840.914	528.975.100
12. Chi phí khác	32		81.834.007	315.656.968
13. Lợi nhuận khác	40	VI.07	237.006.907	213.318.132
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		472.188.699	5.399.529.827
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	69.927.630	594.498.281
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		402.261.069	4.805.031.546
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	31	338
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	31	338


LẠI TUYẾT THANH

Người lập

Ngày 30 tháng 3 năm 2016


LẠI TUYẾT THANH

Kế toán trưởng



TRỊNH BÁ HOÀNG

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015**MẪU B 03-DN****Đơn vị tính: VNĐ**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	472.188.699	5.399.529.827
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.242.313.022	8.113.487.573
Các khoản dự phòng	03	(1.482.799.640)	2.155.640.420
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(320.754.619)	(400.618.839)
Chi phí lãi vay	06	6.315.620.812	7.937.233.447
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.226.568.274	23.205.272.428
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	13.945.543.493	8.365.265.947
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(4.417.140.690)	(15.264.929.653)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(13.572.959.695)	(2.728.386.241)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	993.723.876	1.363.362.904
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.053.459.965)	(6.520.483.447)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	98.769.771	(551.830.508)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.355.720.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(469.929.175)	(542.683.371)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.106.835.889	7.325.588.059
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(329.422.308)	-
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	305.000.000	1.559.874.056
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.332.917	185.850.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.910.609	1.745.724.056
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	177.920.097.255	366.949.747.135
Tiền trả nợ gốc vay	34	(177.865.692.902)	(377.104.195.165)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	54.404.353	(10.154.448.030)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.171.150.851	(1.083.135.915)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	336.190.847	1.419.326.762
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.507.341.698	336.190.847

LẠI TUYẾT THANH
Người lập
Ngày 30 tháng 3 năm 2016**LẠI TUYẾT THANH**
Kế toán trưởng**TRỊNH BÁ HOÀNG**
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 18 ngày 13/01/2012 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 18/12/2007 theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ đăng ký	868.000.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 31/12/2015	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ươm cá - tôm giống, chế biến cá, thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất nước đá;
- Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- Mua bán hàng nông - lâm – thủy – hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; đào tạo nghề, môi giới bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- Cho thuê phương tiện vận tải, đại lý vận tải đường biển và đường hàng không, môi giới thương mại, đại lý bán vé máy bay;
- Mua bán xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng xe, thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

4. Tổng số công nhân viên: Tổng số lao động đến ngày 31/12/2015: 270 người.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nhãn hiệu hàng hoá

Nhãn hiệu hàng được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm.

Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm

8. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

9. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ đến tháng 9/2049;
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh theo Thông tư 201/2009/BTC được phân bổ vào chi phí tài chính với thời gian là 5 năm;
- Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian dao động từ 03 – 05 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn giá trị hợp lý của chúng nên được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được nắm giữ với mục đích kinh doanh mua, bán trong ngắn hạn. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp. Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0); chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu.

Đầu tư tài chính khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo chi phí mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng. Các chứng khoán không niêm yết và không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

11. Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, tương xứng với doanh thu đã ghi nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 18% và 8 % từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

13. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận dựa trên chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu phát hành ra thị trường.

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và được Đại hội cổ đông thông qua.

15. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

16. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc xác định thuế thu nhập chịu thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thực hiện dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm đông lạnh, Công ty tự xác định được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo.

Công ty là tổ chức có chứng khoán niêm yết lần đầu tại trung tâm giao dịch chứng khoán, nên được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết. Thời gian hưởng ưu đãi do có chứng khoán được niêm yết được tính kể từ khi kết thúc thời hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Năm tài chính 2015 là năm thứ 11 Công ty có thu nhập chịu thuế.

Năm 2015, Công ty đã áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính, áp dụng đối với doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	52.199.751	48.311.955
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.455.141.947	287.878.892
Cộng	1.507.341.698	336.190.847

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****2.1. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh	531.000.000	188.786.000	342.214.000	531.000.000	399.577.500	131.422.500

Khoản đầu tư mua 7.124 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Khoan dầu khí (PVD). Cổ phiếu này đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2015, được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	131.422.500	218.680.000
Trích lập dự phòng bổ sung	210.791.500	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(87.257.500)
Tại ngày 31 tháng 12	342.214.000	131.422.500

2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	ngàn VND	ngàn VND	ngàn VND	ngàn VND	ngàn VND	ngàn VND
Đầu tư vào công ty liên kết	65.026.276	62.079.356	2.946.920	65.026.276	62.079.356	2.946.920
Đầu tư vào đơn vị khác	4.634.907	4.634.907	-	4.634.907	4.634.907	-
Cộng	69.661.183	66.714.262	2.946.920	69.661.183	66.714.262	2.946.920

2.2.1. Đầu tư vào công ty liên kết

Tên Công ty liên kết		Giá trị đầu tư	
		31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Công ty TNHH SXKD Dịch vụ Sa Ga	(a)	39.600.000.000	39.600.000.000
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ	(b)	14.992.000.000	14.992.000.000
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Châu Âu	(c)	10.434.276.051	10.434.276.051
Cộng		65.026.276.051	65.026.276.051

(a) Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga với mục đích xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 32 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q.1, Tp. HCM, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 410202611 ngày 22/12/2008, tỷ lệ vốn góp: 21,07% tương đương 43.560.000.000 đồng. Số vốn thực góp đến ngày 31/12/2015 là 39.600.000.000 đồng tương đương 19% vốn điều lệ (Tổng vốn điều lệ: 206.759.195.000 đồng).

(b) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2015 là 900.000.00 USD tương đương 14.992.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(c) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Châu Âu (Incomfish EU) tại Vương Quốc Bỉ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2015 là 454,368.95 EUR tương đương 10.434.276.051 đồng.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết:

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

2.2.2. Đầu tư dài hạn khác

Tên Công ty	Giá trị đầu tư	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Ve Ga	4.634.906.773	4.634.906.773

Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Thương mại Ve Ga theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305727544 ngày 23/5/2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 4 ngày 08/9/2011. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 4.634.907.000 đồng tương đương 5,38% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại Ve Ga.

2.2.3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	2.946.920.487	2.946.920.487
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	2.946.920.487	2.946.920.487

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	23.134.723.985	36.950.267.317
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>2.322.407.600</i>	<i>2.209.752.728</i>
- Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ	2.322.407.600	2.209.752.728
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	<i>20.812.316.385</i>	<i>34.740.514.589</i>
- Dragon Sourcing Group Limited	8.987.579.120	8.551.611.474
- Kim Distri	3.823.487.338	3.804.087.783
- Biogritech Corp.	2.699.388.000	-
- 7 Seas Harvest Inc.	2.560.700.880	-
- HEIPLOEG BV	-	13.965.501.385
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.741.161.047	8.419.313.947
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	(*) 23.134.723.985	36.950.267.317

(*) Trong đó, bao gồm số dư các khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 1.027.245,00 USD tương đương với 23.061.644.413 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015	01/01/2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Lê Ngọc Mẫn	3.989.129.050	3.989.129.050
- Công ty TNHH Minh Phương	3.159.860.000	3.539.860.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác	536.664.730	248.469.200
Cộng	<u>7.685.653.780</u>	<u>7.777.458.250</u>

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu khác ngắn hạn	2.968.294.933	-	2.733.548.721	-
<i>Phải thu từ đối tượng khác</i>	<i>2.968.294.933</i>	<i>-</i>	<i>2.733.548.721</i>	<i>-</i>
Thuế GTGT đầu vào chờ hoàn	2.449.384.220	-	2.035.832.932	-
Phải thu người lao động	402.160.385	-	550.532.663	-
Phải thu khác	116.750.328	-	147.183.126	-
Phải thu khác dài hạn	12.394.837.862	-	12.394.837.862	-
<i>Phải thu từ bên liên quan</i>	<i>462.491.763</i>	<i>-</i>	<i>462.491.763</i>	<i>-</i>
- Công ty CP ĐT TM TS Hoa Kỳ	462.491.763	-	462.491.763	-
<i>Phải thu từ đối tượng khác</i>	<i>11.932.346.099</i>	<i>-</i>	<i>11.932.346.099</i>	<i>-</i>
- Ông Đặng Văn Đoàn	1.112.400.000	-	1.112.400.000	-
- Công ty CP TM TS Á Châu	10.819.946.099	-	10.819.946.099	-
Cộng	<u>15.363.132.795</u>	<u>-</u>	<u>15.128.386.583</u>	<u>-</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	165.098.156.538	-	164.539.524.768	-
Công cụ dụng cụ	2.839.955.992	-	2.845.016.239	-
Chi phí sản xuất dở dang	43.778.621	-	41.045.627	-
Thành phẩm	23.073.115.170	1.389.515.752	19.212.298.252	1.389.515.752
Hàng gửi bán	5.303.324.272	-	5.303.305.017	-
Cộng	<u>196.358.330.593</u>	<u>1.389.515.752</u>	<u>191.941.189.903</u>	<u>1.389.515.752</u>

Hàng tồn kho trong kho lạnh dùng thẻ chấp cho các khoản vay thuyết minh tại mục 15 đã được mua bảo hiểm thông qua hợp đồng với Tổng Công ty Bảo hiểm bưu điện Tp. HCM (PTI-HCM) số 0002/HD/001-P7/PHH.TS.2.1/2015. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 13/01/2015 đến ngày 13/01/2016).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 01 tháng 01	1.389.515.752	840.208.972
Trích lập dự phòng bổ sung	-	549.306.780
Tại ngày 31 tháng 12	<u>1.389.515.752</u>	<u>1.389.515.752</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	43.718.683.540	67.327.961.844	5.882.816.012	1.781.265.779	118.710.727.175
Mua trong năm	-	292.210.000	-	37.212.308	329.422.308
Thanh lý trong năm	-	315.420.000	-	-	315.420.000
Tại ngày 31/12/2015	43.718.683.540	67.304.751.844	5.882.816.012	1.818.478.087	118.724.729.483
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	22.380.456.544	58.113.939.487	4.643.599.650	1.734.169.224	86.872.164.905
Khấu hao trong năm	1.833.003.444	1.496.963.384	591.196.935	35.503.263	3.956.667.026
Thanh lý trong năm	-	296.841.702	-	-	296.841.702
Tại ngày 31/12/2015	24.213.459.988	59.314.061.169	5.234.796.585	1.769.672.487	90.531.990.229
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	21.338.226.996	9.214.022.357	1.239.216.362	47.096.555	31.838.562.270
Tại ngày 31/12/2015	19.505.223.552	7.990.690.675	648.019.427	48.805.600	28.192.739.254

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 36.746.085.402 đồng.

Nhà xưởng và máy móc thiết bị đảm bảo thế chấp cho khoản vay thuyết minh tại mục 15 đã được mua bảo hiểm theo hợp đồng với Công ty Bảo hiểm bưu điện Bình Dương (PTI-Bình Dương) số 0002/HD/001-P7/PHH.TS.2.1/2015. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 13/01/2015 đến ngày 13/01/2016).

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	5.712.920.000	75.087.600	5.788.007.600
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	5.712.920.000	75.087.600	5.788.007.600
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	3.426.578.086	75.087.600	3.501.665.686
Khấu hao trong năm	285.645.996	-	285.645.996
Tại ngày 31/12/2015	3.712.224.082	75.087.600	3.787.311.682
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	2.286.341.914	-	2.286.341.914
Tại ngày 31/12/2015	2.000.695.918	-	2.000.695.918

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 75.087.600 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Chi phí đầu tư vùng nuôi	16.683.829.160	18.301.710.007
Chi phí mua sắm tài sản cố định	138.000.000	138.000.000
Cộng	<u>16.821.829.160</u>	<u>18.439.710.007</u>

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Năm 2015	Năm 2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	18.439.710.007	19.472.311.063
Tăng trong năm	737.839.153	958.998.944
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	-
Các khoản tăng (giảm) khác	(2.355.720.000)	(1.991.600.000)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>16.821.829.160</u>	<u>18.439.710.007</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng là do chi phí lãi vay được vốn hóa và giảm là do lãi vay được hoàn trả lại.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	<i>130.858.448</i>	<i>21.333.333</i>
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	57.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	73.858.448	21.333.333
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>10.737.333.381</i>	<i>11.840.582.372</i>
Tiền thuê đất (*)	9.046.264.053	9.246.397.323
Chênh lệch tỷ giá chờ phân bổ	1.224.730.868	1.618.394.360
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	101.527.195	224.080.252
Chi phí trả trước dài hạn khác	364.811.265	751.710.437
Cộng	<u>10.868.191.829</u>	<u>11.861.915.705</u>

(*) Trả trước tiền thuê đất dài hạn theo hợp đồng thuê lại đất số 424/HĐ-TLĐ-2000 ngày 27/9/2000 và Phụ lục số 1 ngày 25/5/2006 về việc thuê lại đất tại Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I - Đường số 7 - Khu công nghiệp Vĩnh Lộc - Quận Bình Tân - Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích thuê: 20.802 m². Thời hạn thuê đất đến tháng 9/2049.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015	01/01/2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải trả người bán ngắn hạn	13.322.415.040	29.326.166.515
<i>Phải trả người bán khác</i>	<i>13.322.415.040</i>	<i>29.326.166.515</i>
- Viet Rose International Pte. Ltd.	4.874.490.482	-
- Nichiyo Trading Co. Ltd.	1.289.669.054	990.772.951
- Tyson AS	1.018.467.000	-
- Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	1.275.067.756	1.124.108.850
- R and J Globle Investment Ltd.	-	13.865.852.320
- Cơ sở mắm Bà giáo Khỏe	845.517.130	295.455.771
- Các khoản phải trả người bán khác	4.019.203.617	13.049.976.623
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	13.322.415.040	29.326.166.515

(*) Trong đó, bao gồm số dư các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 367.176,15 USD tương đương 8.268.806.898 đồng.

Nợ quá hạn chưa thanh toán: Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2015		Số phải nộp	Số đã nộp/khấu trừ	31/12/2015	
	Số phải thu	Số phải nộp			Số phải thu	Số phải nộp
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>			<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế GTGT	-	-	428.852.199	428.852.199	-	-
Thuế thu nhập DN	-	53.000.031	69.927.630	98.769.771	-	24.157.890
Thuế thu nhập CN	683.178	-	368.378.385	307.612.355	-	60.082.852
Thuế xuất, nhập khẩu	152.797.644	-	7.121.776.882	8.039.608.404	1.070.629.166	-
Thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	153.480.822	53.000.031	7.991.935.096	8.877.842.729	1.070.629.166	84.240.742

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi vay cá nhân phải trả	600.000.000	1.416.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải trả khác ngắn hạn	7.008.910.807	4.173.961.080
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	159.694.765	282.775.705
Kinh phí công đoàn	1.647.611.057	1.584.243.117
Tiền thâm niên giữ lại	1.489.441.153	1.630.335.571
Phải trả cho Công ty CP TM TS Á Châu	2.000.000.000	-
Chỉ cục Hải quan quản lý hàng gia công	924.984.343	-
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	300.000.000	100.000.000
Các khoản phải trả khác	487.179.489	576.606.687
Phải trả khác dài hạn	26.375.092.342	26.375.092.342
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Xuân (*)	15.575.092.342	15.575.092.342
Phải trả cho ông Nguyễn Phát Quang (*)	9.800.000.000	9.800.000.000
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thu (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	33.384.003.149	30.549.053.422

(*) Phải trả khác dài hạn cho các cá nhân là các khoản mượn tiền, có thời hạn thanh toán trên 01 năm và không tính lãi suất.

15. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2015	Trong kỳ		31/12/2015
		Tăng	Giảm	
	Giá trị/Số có			Giá trị/Số có
	khả năng trả nợ			khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	121.747.446.497	179.672.097.255	177.865.692.903	123.553.850.850
- NH Ngoại thương (15.1)	99.636.201.565	157.674.430.940	143.320.843.187	113.989.789.319
- NH Xuất nhập khẩu (15.2)	13.015.333.132	11.358.127.115	16.561.398.716	7.812.061.531
- NH Nam Á	7.343.911.800	8.887.539.200	16.231.451.000	-
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>				
NH Xuất nhập khẩu (15.2)	1.752.000.000	1.752.000.000	1.752.000.000	1.752.000.000
Vay dài hạn	12.366.000.000	-	-	10.614.000.000
- NH Xuất nhập khẩu (15.2)	2.766.000.000	-	1.752.000.000	1.014.000.000
- Nguyễn T Kim Xuân (15.3)	6.600.000.000	-	-	6.600.000.000
- Nguyễn T Kim Thu (15.3)	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Cộng	134.113.446.497	179.672.097.255	177.865.692.903	134.167.850.850

(15.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng tín dụng số 0116/KH/12NH ngày 26/4/2012; phụ lục hợp đồng số 03/TTD-0116/KH/12NH ngày 24/4/2015 với tổng hạn mức là 120 tỷ đồng; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này là quyền sở hữu nhà xưởng tại Lô A74/I, A75/I, A76/I, A77/I, đường số 7, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh và máy móc thiết bị của Công ty với giá trị theo định giá là 28.561.000.000 đồng chi tiết theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0216/NHNT ngày 14/11/2012 và số 0463/NHNT ngày 31/12/2013. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 bao gồm 56.901.948.513 đồng và 2.534.984,05 USD.

(15.2) Vay từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-2014-00982 ngày 31/10/2014 và biên bản sửa đổi bổ sung lần 01 ngày 30/12/2015; thời hạn vay 12 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là đất và tài sản gắn liền với đất tại số 91 Hai Bà Trưng, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng trị giá 10,446 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp số 273/EIB/SG-TD/BLTS/2012 ngày 30/6/2012. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là 2.770.632.315 đồng và 223.864,53 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/1, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-2012-01088 ngày 29/6/2012; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân; mục đích vay: thanh toán tiền thuê ao nuôi theo Hợp đồng thuê đất số 010/0512/HĐKT/KD/ACF-ICF ngày 15/5/2012. Tài sản đảm bảo, thế chấp cho khoản vay này là đất và tài sản gắn liền với đất tại số 91 Hai Bà Trưng, khu phố 2, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng trị giá 10,446 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp số 273/EIB/SG-TD/BLTS/2012 ngày 30/6/2012. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là 2.766.000.000 đồng.

(15.3) Các khoản vay dài hạn từ các cá nhân có thời hạn vay từ 24 đến 36 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất năm 2015 là 0% theo biên bản thỏa thuận lãi suất.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn	01/01/2015	31/12/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.752.000.000	1.752.000.000
Trong năm thứ hai	2.766.000.000	1.014.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	9.600.000.000	9.600.000.000
Sau năm năm	-	-
Cộng	14.118.000.000	12.366.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.752.000.000)	(1.752.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	12.366.000.000	10.614.000.000

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	01/01/2015	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	4.339.483.188	240.000.000	256.487.679	4.322.995.509
Quỹ phúc lợi	2.145.991.599	240.306.546	213.441.496	2.172.856.649
Cộng	6.485.474.787	480.306.546	469.929.175	6.495.852.158

17. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**17.1. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	128.070.000.000	24.156.097.000	5.381.877.899	9.335.792.066	8.481.139.928	175.424.906.893
Góp vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	4.805.031.546	4.805.031.546
Trích quỹ	-	-	323.403.401	1.513.105.102	(1.836.508.503)	-
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	(241.131.425)	(241.131.425)
Tại ngày 31/12/2014	128.070.000.000	24.156.097.000	5.705.281.300	10.848.897.168	11.208.531.546	179.988.807.014
Góp vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	402.261.069	402.261.069
Trích quỹ	-	-	-	4.325.000.000	(4.325.000.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Tăng/(giảm) khác	-	-	(5.705.281.300)	5.705.281.300	(480.306.546)	(480.306.546)
Tại ngày 31/12/2015	128.070.000.000	24.156.097.000	-	20.879.178.468	6.805.486.069	179.910.761.537

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***17.2. Phân phối lợi nhuận**

	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Trích quỹ đầu tư phát triển	4.325.000.000	1.513.105.102
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	323.403.401
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	480.306.546	241.131.425
Trích cô tức phải trả cổ đông	-	-
	4.805.306.546	2.077.639.928

17.3. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	86.800.000	86.800.000
Số lượng cổ phần đã phát hành	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**18.1. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2015	01/01/2015
Dollar Mỹ (USD)	1.431,02	18.495,80
Euro (EUR)	491,00	501,92

18.2. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
HYL International	1.055.093.543	-
Công ty Biển Sáng	418.109.438	-
World Foods Co. Ltd.	177.046.800	-
IGLO GMBH	16.275.659	-
Nguyễn Văn Hiến	27.065.700	-
Cộng	1.693.591.140	-

Nguyên nhân xóa sổ nợ khó đòi: Khách hàng đã thay đổi địa điểm trụ sở và không có khả năng thanh toán nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	117.269.647.914	216.396.611.354
Doanh thu khác	6.227.717.872	2.495.670.333
	123.497.365.786	218.892.281.687
Các khoản giảm trừ		
Giảm giá hàng bán	-	-
Cộng doanh thu thuần	123.497.365.786	218.892.281.687

Chi tiết doanh thu như sau:

	USD	VND	Quy ra VND
Doanh thu xuất khẩu	5.218.363,39	-	114.244.814.828
Doanh thu bán hàng nội địa	-	3.024.833.086	3.024.833.086
Doanh thu khác	-	6.227.717.872	6.227.717.872
Cộng	5.218.363,39	9.252.550.958	123.497.365.786

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	94.847.884.709	178.291.266.474
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.389.515.752
Cộng	94.847.884.709	179.680.782.226

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	25.040.417	185.850.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.292.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.149.892.461	2.162.043.817
Cộng	1.184.225.378	2.347.893.817

4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	6.315.620.812	7.937.233.447
Hoàn nhập chi phí lãi vay cá nhân	(816.750.000)	-
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán	210.791.500	(87.257.500)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.650.704.461	3.606.236.245
Cộng	11.360.366.773	11.456.212.192

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2015	Năm 2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	1.567.172.213	1.674.579.229
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	10.447.580
Chi phí xuất hàng	2.852.179.783	5.346.375.083
Chi phí thay bao bì	793.460.000	-
Chi phí tham gia hội chợ	136.247.273	-
Hoa hồng bán hàng	109.101.410	163.319.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.539.767	444.065.258
Chi phí bằng tiền khác	732.781.881	1.959.922.472
Cộng	<u>6.224.482.327</u>	<u>9.598.709.222</u>

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí nhân viên quản lý	8.358.474.172	10.129.247.606
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	96.455.181	213.146.485
Chi phí khấu hao TSCĐ	480.708.482	492.057.010
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	1.693.591.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.091.591.066	1.576.290.328
Chi phí bằng tiền khác	1.986.446.662	1.213.927.600
Cộng	<u>12.013.675.563</u>	<u>15.318.260.169</u>

7. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thu thanh lý tài sản cố định	305.000.000	527.273.000
Các khoản thu nhập khác	13.840.914	1.702.100
Cộng	<u>318.840.914</u>	<u>528.975.100</u>
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	18.578.298	312.504.161
Thuế bị truy thu, phạt vi phạm hành chính	3.288.001	2.500.000
Các khoản chi phí khác	59.967.708	652.807
Cộng	<u>81.834.007</u>	<u>315.656.968</u>
Lợi nhuận từ hoạt động khác	<u>237.006.907</u>	<u>213.318.132</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	472.188.699	5.399.529.827
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(9.292.500)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.288.001	5.000.000
Thu nhập chịu thuế	466.184.200	5.404.529.827
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	69.927.630	1.188.996.562
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	(594.498.282)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	69.927.630	594.498.281

9. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**9.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	402.261.069	4.805.031.546
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(480.306.546)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	402.261.069	4.324.725.000
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.807.000	12.807.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần	31	338

9.2. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	402.261.069	4.324.725.000
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của Cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	402.261.069	4.324.725.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.807.000	12.807.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	338

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh và bộ phận khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản, toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty đều phát sinh từ hoạt động này, bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, Công ty không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

2. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số III.18

Giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.507.341.698	336.190.847
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.497.856.780	52.078.653.900
Đầu tư ngắn hạn	188.786.000	399.577.500
Đầu tư dài hạn	66.714.262.337	66.714.262.337
Tổng cộng	106.908.246.815	119.528.684.584
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	134.167.850.850	134.113.446.497
Phải trả người bán và phải trả khác	46.706.418.189	59.875.219.937
Chi phí phải trả	600.000.000	1.416.750.000
Tổng cộng	181.474.269.039	195.405.416.434

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính "Thông tư 210". Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính****Quản lý rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi biến động về tỷ giá. Loại tiền tệ gây ra rủi ro là USD và EUR. Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá hối đoái thông qua các biện pháp: dự báo tỷ giá hối đoái trong tương lai, duy trì dư nợ ngoại tệ ở mức thấp.

Giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ phải trả có gốc USD và EUR như sau:

Tài sản	(USD)		(EUR)	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.431,02	18.495,80	491,00	501,92
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.027.245,00	1.687.633,46	-	-
Cộng	1.028.676,02	1.706.129,26	491,00	501,92

Công nợ phải trả	(USD)		(EUR)	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
Các khoản vay	2.758.848,58	4.946.466,61	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	367.176,15	745.782,12	-	-
Cộng	3.126.024,73	5.692.248,73	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường này thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính**Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữ nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phát sinh và tài sản tài chính phi phát sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Tại 31/12/2015			
Các khoản vay	123.553.850.850	10.614.000.000	134.167.850.850
Phải trả người bán và phải trả khác	18.031.325.847	28.675.092.342	46.706.418.189
Chi phí phải trả	600.000.000	-	600.000.000
Cộng	142.185.176.697	39.289.092.342	181.474.269.039
Tại ngày 01/01/2015			
Các khoản vay	121.747.446.497	12.366.000.000	134.113.446.497
Phải trả người bán và phải trả khác	33.400.127.595	26.475.092.342	59.875.219.937
Chi phí phải trả	1.416.750.000	-	1.416.750.000
Cộng	156.564.324.092	38.841.092.342	195.405.416.434
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.507.341.698	-	1.507.341.698
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.103.018.918	-	26.103.018.918
Đầu tư ngắn và dài hạn	188.786.000	66.714.262.337	66.903.048.337
Cộng	27.799.146.616	66.714.262.337	94.513.408.953
Tại ngày 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	336.190.847	-	336.190.847
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.990.224.898	-	37.990.224.898
Đầu tư ngắn và dài hạn	399.577.500	66.714.262.337	67.113.839.837
Cộng	38.725.993.245	66.714.262.337	105.440.255.582

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, và các khoản phải thu (thuyết minh tại Mục số 15 - Phần IV - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

	Giá trị sổ sách	Tăng (giảm)	Giá trị hợp lý	Dự phòng giảm giá
Tại ngày 31/12/2015				
Đầu tư ngắn hạn	531.000.000	(342.214.000)	188.786.000	(342.214.000)
- Chứng khoán vốn	531.000.000	(342.214.000)	188.786.000	(342.214.000)
Đầu tư dài hạn	69.661.182.824	(2.946.920.487)	66.714.262.337	(2.946.920.487)
- Công ty liên kết	65.026.276.051	(2.946.920.487)	62.079.355.564	(2.946.920.487)
- Đầu tư dài hạn khác	4.634.906.773	-	4.634.906.773	-
Cộng	70.192.182.824	(3.289.134.487)	66.903.048.337	(3.289.134.487)
Tại ngày 01/01/2015				
Đầu tư ngắn hạn	531.000.000	(131.422.500)	399.577.500	(131.422.500)
- Chứng khoán vốn	531.000.000	(131.422.500)	399.577.500	(131.422.500)
Đầu tư dài hạn	69.661.182.824	(2.946.920.487)	66.714.262.337	(2.946.920.487)
- Công ty liên kết	65.026.276.051	(2.946.920.487)	62.079.355.564	(2.946.920.487)
- Đầu tư dài hạn khác	4.634.906.773	-	4.634.906.773	-
Cộng	70.192.182.824	(3.078.342.987)	67.113.839.837	(3.078.342.987)

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng khi kết thúc năm tài chính tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (31/12/2015).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc của khoản đầu tư và các khoản điều chỉnh khác.

3. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu	259.227.677.794	383.676.112.264
Chi phí nhân công	23.334.378.626	30.865.071.024
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.242.313.022	8.113.487.573
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.322.330.838	15.775.685.252
Chi phí khác	5.664.373.517	3.342.179.854
Cộng	302.791.073.797	441.772.535.967

4. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu Bán hàng		
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ	VND 1.347.823.455	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/phải trả đối với các bên liên quan như sau:

		31/12/2015	01/01/2015
Nợ phải thu			
Incomfish US	USD	103.448,00	103.448,00
Incomfish US	VND	462.491.763	353.703.000
Nợ phải trả			
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	VND	22.175.092.342	22.175.092.342
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	VND	4.000.000.000	4.000.000.000
Ông Nguyễn Phát Quang	VND	9.800.000.000	9.800.000.000

5. DỮ LIỆU SO SÁNH

Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh; do vậy, các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số dư tại ngày 31/12/2014	Số dư tại ngày 01/01/2015	Tăng (giảm)
I - Phần tài sản				
1. Phải thu khác ngắn hạn	136	14.577.853.920	2.733.548.721	(11.844.305.199)
2. Tài sản ngắn hạn khác	155	550.532.663	-	(550.532.663)
3. Phải thu khác dài hạn	216	-	12.394.837.862	12.394.837.862
Cộng				-
II - Phần nguồn vốn				
1. Thuế phải nộp cho Nhà nước	313	52.725.031	53.000.031	275.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421	11.208.806.546	11.208.531.546	(275.000)
3. Quỹ đầu tư và phát triển	418	10.848.897.168	16.554.178.468	5.705.281.300
4. Quỹ dự phòng tài chính		5.705.281.300	-	(5.705.281.300)
Cộng				-
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2014	Điều chỉnh lại số so sánh	Tăng (giảm)
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	594.223.281	594.498.281	275.000
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	4.805.306.546	4.805.031.546	(275.000)
3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	375	338	(37)

6. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



LẠI TUYẾT THANH
Người lập
Ngày 30 tháng 3 năm 2016



LẠI TUYẾT THANH
Kế toán trưởng



TRỊNH BÁ HOÀNG
Tổng Giám đốc